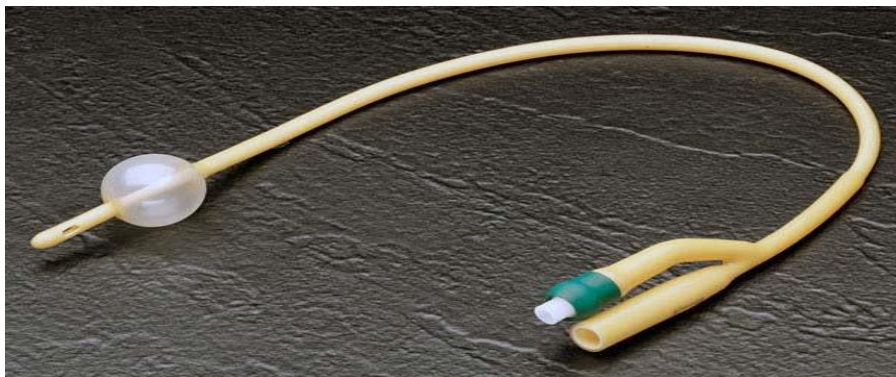


# NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ ĐẶT BÓNG CHÈN LÒNG TỬ CUNG BẰNG SONDE FOLEY ĐIỀU TRỊ BẰNG HUYẾT SAU SINH



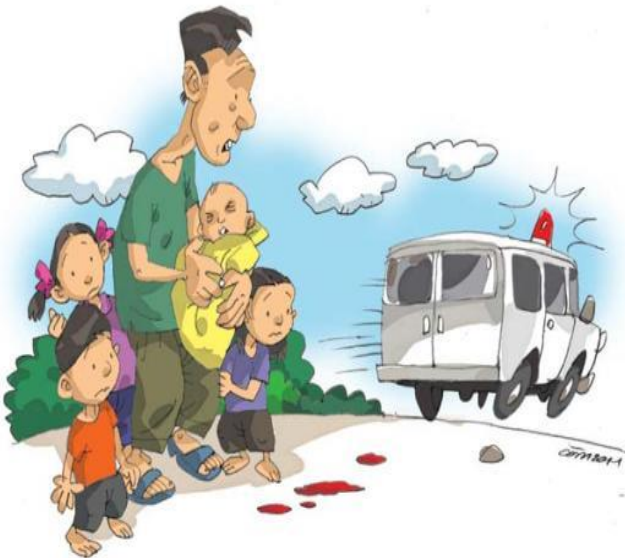
## Chủ nhiệm đề tài

ThS. BS. Lê Cao Tuấn  
TS. BS. Nguyễn Đình Tuyển

## Báo cáo viên

ThS. BS. Đoàn Tôn Lĩnh  
Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ngãi

# Đặt vấn đề



## WHO 2018

14 triệu trường hợp chảy máu liên quan đến thai sản, 25% tử vong do BHSS

## BV Từ Dũ

BHSS: 0.22% - 0.58%, 55% do tử cung gò kềm

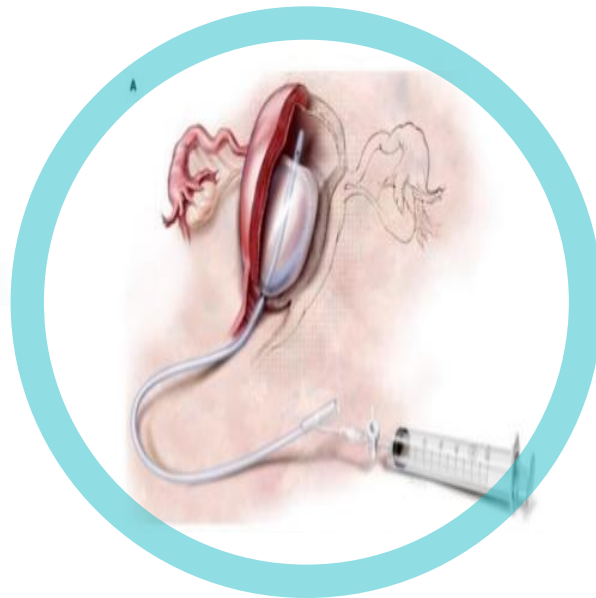
## Điều trị

Nội khoa + ngoại khoa: 25% cần can thiệp ngoại khoa sau điều trị nội.

# Đặt vấn đề

Trong nước và  
trên thế giới

Tử cung go  
kém hay do  
nhau bám thấp



**QUẢNG NGÃI**

**Chưa có  
nghiên cứu  
đánh giá hiệu  
quả của  
phương pháp**

# Đặt vấn đề

“ Nghiên cứu hiệu quả đặt bóng chèn lòng tử cung bằng Sonde Foley điều trị băng huyết sau sinh. ”

## MỤC TIÊU

Đánh giá **hiệu quả điều trị và tính an toàn** của phương pháp đặt bóng chèn lòng tử cung bằng sonde Foley trong **xử trí băng huyết sau sinh** thường không do tổn thương đường sinh dục tại **Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi**.



# Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu

## ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Tất cả sản phụ sau sinh ngã âm đạo

- ▶ Được chẩn đoán BHSS không do tổn thương đường sinh dục
- ▶ Đã được điều trị nội khoa thất bại

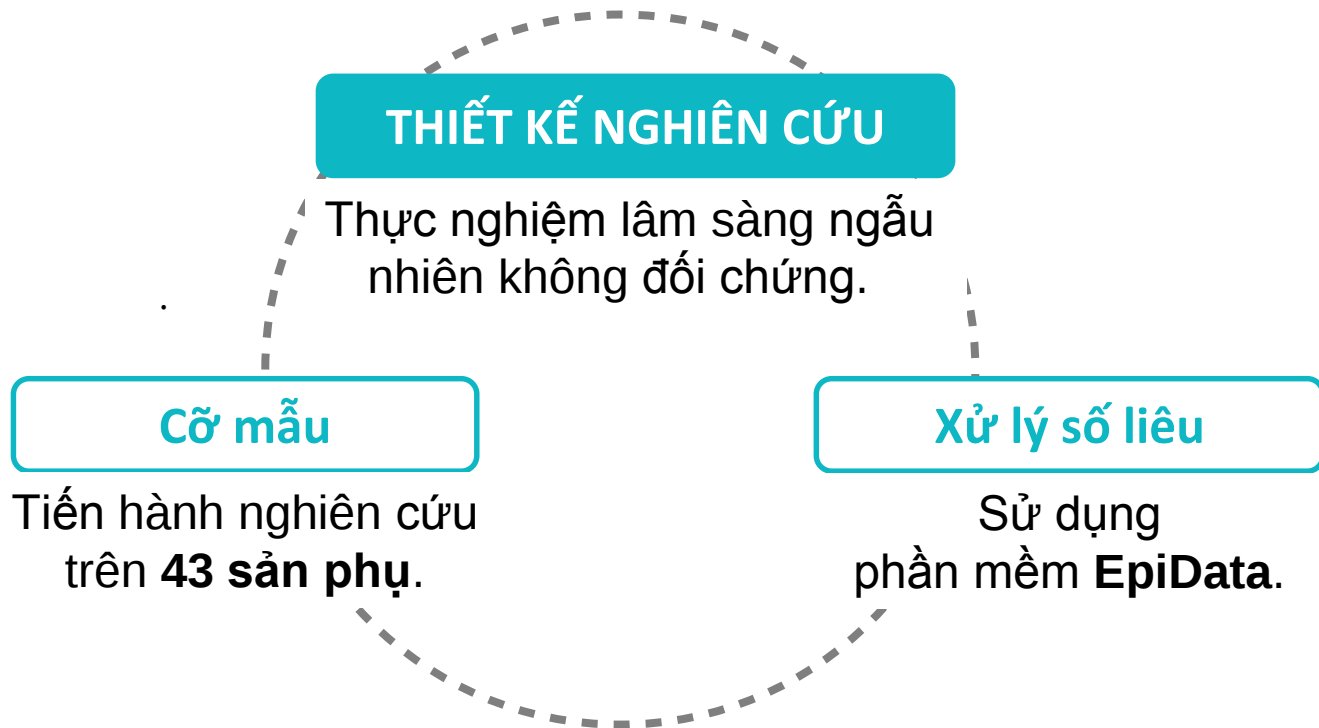
## Tiêu chuẩn chọn bệnh

Có BHSS không do tổn thương đường sinh dục

## Tiêu chuẩn loại trừ

- Đa thai.
- Tổn thương đường sinh dục.
- Tử cung dị dạng (tử cung đôi, có vách ngăn).
- Trong quá trình chuyển dạ có kèm các dấu hiệu có nguy cơ nhiễm trùng

# Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu



# Kết quả và Bàn luận

## Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

| Lớp tuổi          | n         | Tỷ lệ %      |
|-------------------|-----------|--------------|
| Dưới 20 tuổi      | 3         | 6.98         |
| <b>20-35 tuổi</b> | <b>33</b> | <b>76.74</b> |
| Trên 35 tuổi      | 7         | 16.28        |



**Tuổi trung bình**

**$28.42 \pm 6.13$**

| Nghề nghiệp        | n  | Tỷ lệ % |
|--------------------|----|---------|
| Công nhân viên     | 7  | 16.28   |
| Buôn bán           | 6  | 13.95   |
| Nội trợ            | 7  | 16.28   |
| Công nhân          | 10 | 23.26   |
| Học sinh-sinh viên | 1  | 2.33    |
| Khác               | 12 | 27.91   |

| Nơi cư trú       | n         | Tỷ lệ %      |
|------------------|-----------|--------------|
| Thành thị        | 11        | 25.58        |
| <b>Nông thôn</b> | <b>32</b> | <b>74.42</b> |

# Kết quả và Bàn luận

## Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

| Tiền thai           | n  | Tỷ lệ % |
|---------------------|----|---------|
| Con so              | 19 | 44.19   |
| Sinh con lần 2      | 17 | 39.53   |
| Sinh con lần 3      | 5  | 11.63   |
| Sinh con trên 4 lần | 2  | 4.65    |



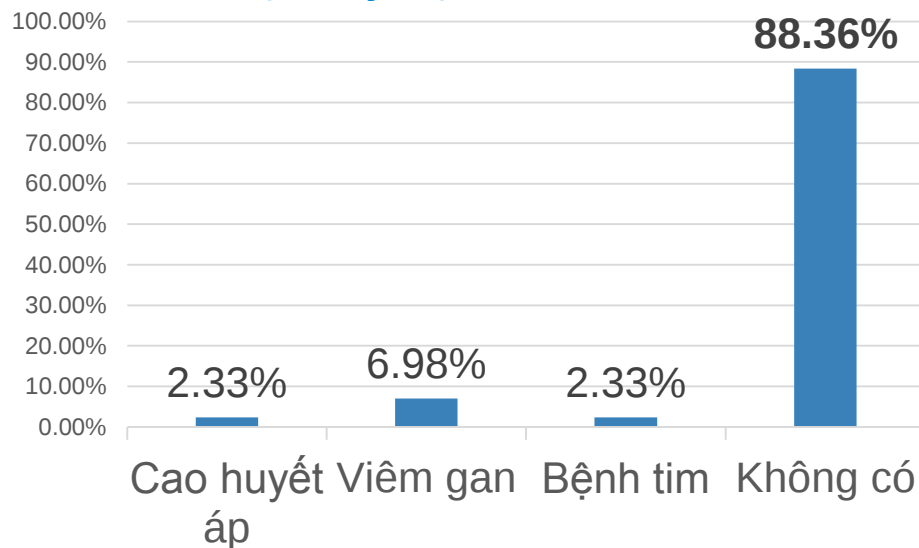
Kết quả này **phù hợp** với  **nghiên cứu của Bakri**, tác giả đã sử dụng ống thông Foley trong 5 trường hợp BHSS **sản phụ có từ 2 đến 8 con**.  
Tất cả những trường hợp này đều cho **kết quả thành công**.



# Kết quả và Bàn luận

## Đặc điểm của thai kỳ lần này

### *Bệnh lý nội khoa đi kèm*



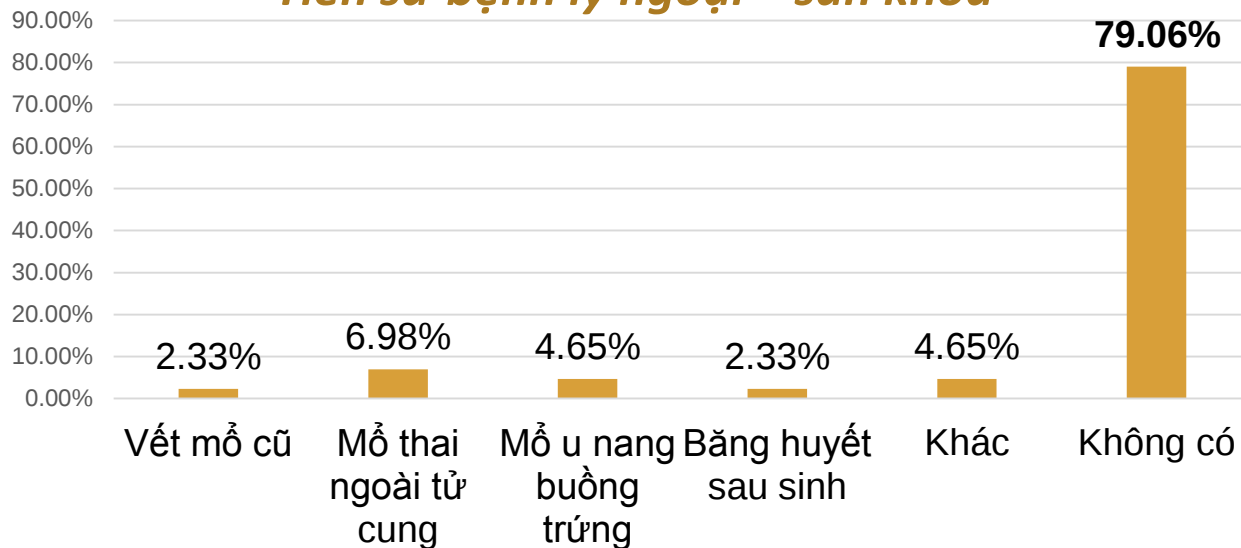
**Nghiên cứu của  
Akhter S.**

Một TH sản phụ có chẩn đoán **hội chứng HELLP**, đặt bóng chèn lòng tử cung kết hợp điều trị rối loạn đông máu, kết quả thành công, tránh được nguy cơ mở bụng.

# Kết quả và Bàn luận

## Đặc điểm của thai kỳ lần này

### Tiền sử bệnh lý ngoại – sản khoa



Trong mẫu nghiên cứu có:

- 2.33% trường hợp có tiền sử BHSS ở lần sinh trước.
- 2.33% trường hợp có vết mổ cũ lấy thai.
- Khoảng 4/5 mẫu nghiên cứu không ghi nhận có tiền sử bệnh lý ngoại - sản khoa.



# Kết quả và Bàn luận

## Đặc điểm của cuộc chuyển dạ

### Thời gian theo dõi chuyển dạ tại phòng sinh

| Thời gian                    | n         | Tỷ lệ %      |
|------------------------------|-----------|--------------|
| < 3 giờ                      | 6         | 13.95        |
| <b>Từ 3 giờ - &lt;12 giờ</b> | <b>34</b> | <b>79.07</b> |
| Từ 12 giờ - <24 giờ          | 2         | 4.65         |
| >24 giờ                      | 1         | 2.33         |
| Tổng cộng                    | 43        | 100          |

Thời gian theo  
dõi trung bình

**8 giờ 01 phút  $\pm$  4 giờ 54 phút**  
**(1giờ – 33 giờ).**

Chỉ có **1/43** trường hợp (**2.33%**) có cuộc chuyển dạ **kéo dài trên 24 giờ**, với thời gian theo dõi tại phòng sinh **33 giờ**.

# Kết quả và Bàn luận

## Đặc điểm của cuộc chuyển dạ

### *Cân nặng trẻ sơ sinh*

| Cân nặng                | n         | Tỷ lệ %      |
|-------------------------|-----------|--------------|
| ≤ 1000 gram             | 1         | 2,33         |
| 1001 - < 1900           | 1         | 2,33         |
| 1900 - < 2500           | 1         | 2,33         |
| <b>2500 - &lt; 3500</b> | <b>24</b> | <b>55,81</b> |
| ≥ 3500                  | 16        | 37,2         |
| Tổng cộng               | 43        | 100          |

- 1 trường hợp con **cân nặng 700g**, đây là trường hợp có **tiền căn vết mổ cũ**
- 1 trường hợp con cân nặng **1500g**
- 1 trường hợp con cân nặng **2100g**.

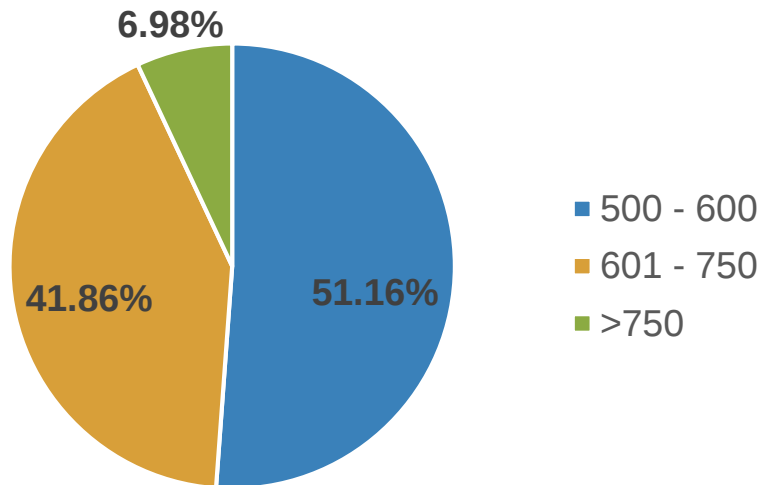
- Nhóm sản phụ có con cân nặng trên 3500g chiếm hơn 1/3 số trường hợp
- 2 trường hợp con nặng 3900g.



# Kết quả và Bàn luận

## Chẩn đoán BHSS

### *Lượng máu mất khi chẩn đoán BHSS*



**Lượng máu  
mất trung bình**

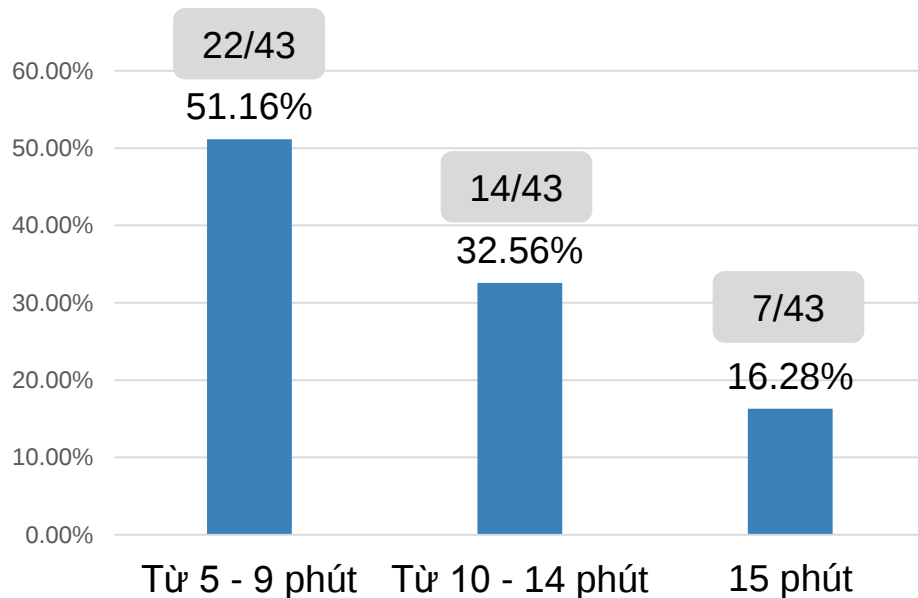
**624.88 ± 72.55**



# Kết quả và Bàn luận

## Chẩn đoán BHSS

### *Thời gian chẩn đoán*



**Thời gian chẩn đoán trung bình**

**$9.65 \pm 3.37$   
(5 – 15 phút).**



# Kết quả và Bàn luận

## Chẩn đoán BHSS

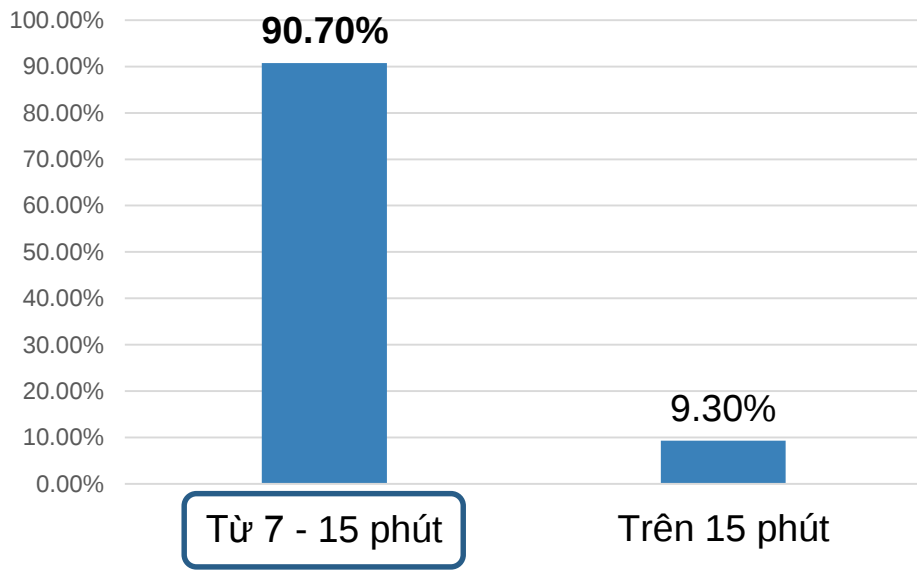
### *Nguyên nhân BHSS*

| Nguyên nhân                                          | n         | Tỷ lệ %      |
|------------------------------------------------------|-----------|--------------|
| <b>Tử cung go kém</b>                                | <b>40</b> | <b>93.02</b> |
| Chảy máu tại vị trí nhau bám                         | 1/3       | 2.33         |
| Do tử cung go kém và do chảy máu tại vị trí nhau bám | 2/3       | 4.65         |

# Kết quả và Bàn luận

## Đặc điểm của bóng chèn lòng tử cung

*Thời gian từ lúc BHSS đến lúc đặt bóng chèn lòng tử cung*



Thời gian từ lúc BHSS đến  
khi đặt bóng chèn lòng tử  
cung trung bình

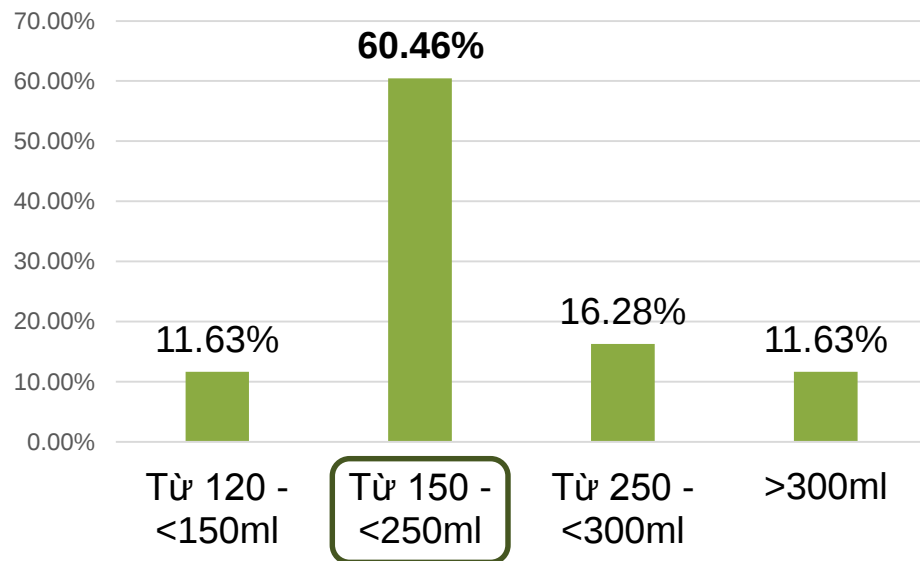
**$12.09 \pm 3.64$   
(7 – 20 phút).**



# Kết quả và Bàn luận

## Đặc điểm của bóng chèn lòng tử cung

*Lượng máu mất từ lúc BHSS đến trước lúc đặt bóng chèn lòng tử cung*



Lượng máu mất trung bình

**199.07 ± 58.55ml  
(120 – 350ml).**



# Kết quả và Bàn luận

## Đặc điểm của bóng chèn lòng tử cung

*Lượng máu mất thêm sau đặt bóng chèn lòng tử cung  
đến khi chẩn đoán phương pháp thành công hay thất bại*

| Lượng máu mất thêm | n  | Tỷ lệ % |
|--------------------|----|---------|
| Dưới 50ml          | 41 | 95.34   |
| 200 ml             | 1  | 2.33    |
| 400ml              | 1  | 2.33    |
| Tổng cộng          | 43 | 100     |

Lượng máu mất sau đặt  
bóng chèn lòng tử cung  
trung bình

**43.72ml**

**2 trường hợp** được chẩn đoán là **thất bại** và sản phụ phải **cắt tử cung**.



# Kết quả và Bàn luận

## Đặc điểm của bóng chèn lòng tử cung

### *Lượng dịch bơm vào bóng chèn lòng tử cung*

| Lượng dịch bơm vào | Trường hợp | Tỷ lệ % |
|--------------------|------------|---------|
| 130 - <150ml       | 2          | 4.65    |
| 150 - <180ml       | 2          | 4.65    |
| 180 - <200ml       | 39         | 90.70   |
| Tổng cộng          | 43         | 100     |

Lượng dịch bơm vào  
bóng chèn lòng tử cung  
trung bình

**179.77 ± 13ml  
(130 – 200ml).**

## Nghiên cứu khác

▶ Bakri và cộng sự: 300 ml

▶ Akhter S. : 250 và 300 ml

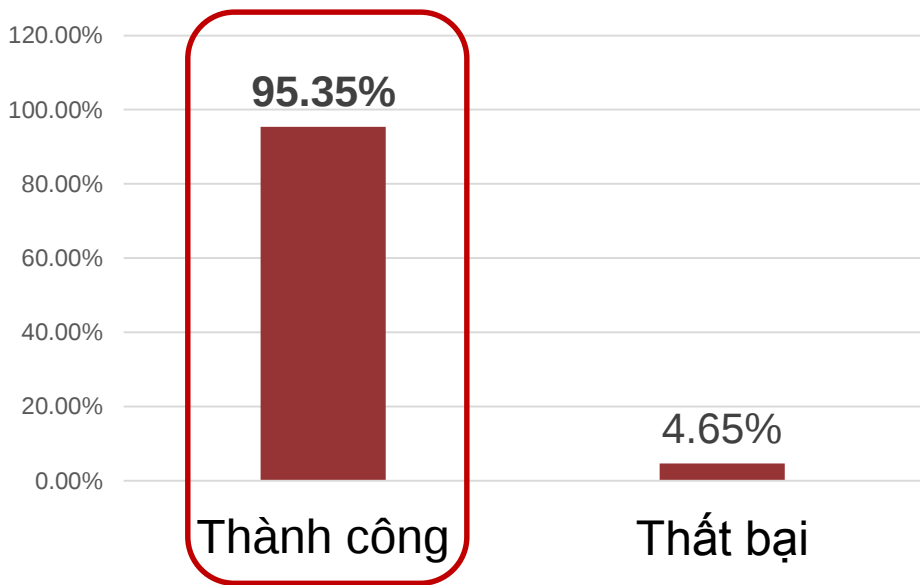
▶ Nguyễn Thị Minh Tuyết: 130 - 190 ml



# Kết quả và Bàn luận

## Đặc điểm của bóng chèn lòng tử cung

### Kết quả của phương pháp đặt bóng chèn lòng tử cung



Có 41/43 trường hợp thành công,  
chiếm tỷ lệ **95.35%**

### Nghiên cứu khác

▶ Katesmark: **88.24%**

▶ Lohanson: **100%**

▶ NT Minh Tuyết: **96.43%**



# Kết

| Đặc điểm                                                                     | Trường hợp 1 | Trường hợp 2 |
|------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|
| Tuổi thai phụ                                                                | 32           | 27           |
| Số con                                                                       | 1            | 0            |
| Tuổi thai                                                                    | 40 tuần      | 38 tuần      |
| Đặc điểm thai                                                                | Bình thường  | Bình thường  |
| Đa ối                                                                        | không        | không        |
| Cân nặng con                                                                 | 3700 g       | 2700 g       |
| Nguyên nhân BHSS đồ tử cung                                                  | Có           | Có           |
| Nhau bám thấp                                                                | Không        | Không        |
| Lượng máu mất lúc chẩn đoán BHSS                                             | 500 ml       | 750 ml       |
| Thời gian theo dõi tại phòng sinh                                            | 3 giờ        | 5 giờ        |
| Thời gian chẩn đoán BHSS                                                     | 7 phút       | 5 phút       |
| Thời gian từ lúc chẩn đoán BHSS đến lúc đặt bóng chèn lòng tử cung           | 20 phút      | 15 phút      |
| Lượng máu chảy thêm từ lúc chẩn đoán BHSS đến lúc đặt bóng chèn lòng tử cung | 200 ml       | 300 ml       |
| Lượng máu chảy thêm sau khi đặt bóng chèn lòng tử cung                       | 200 ml       | 400 ml       |
| Lượng dịch bơm vào bóng chèn lòng tử cung                                    | 180 ml       | 180 ml       |
| Thời gian lưu bóng chèn lòng tử cung                                         | 15 phút      | 10 phút      |
| Xử trí tiếp theo                                                             | Cắt tử cung  | Cắt tử cung  |



# Kết quả và Bàn luận

**Đặc điểm những trường hợp thành công**

*Lượng máu mất thêm khi chẩn đoán thành công*

| Lượng máu | n  | Tỷ lệ % |
|-----------|----|---------|
| 10ml      | 5  | 12.20   |
| 20 ml     | 8  | 19.51   |
| 30ml      | 13 | 31.71   |
| 40 ml     | 7  | 17.07   |
| 50ml      | 8  | 19.51   |
| Tổng      | 41 | 100     |

**Lượng máu mất thêm khi  
chẩn đoán thành công  
trung bình**

**$31.22 \pm 12.88$   
(10 - 50ml).**



# Kết quả và Bàn luận

**Đặc điểm những trường hợp thành công**

*Thời gian chẩn đoán phương pháp bóng chèn lòng tử cung có hiệu quả cầm máu.*

| Thời gian    | n  | Tỷ lệ % |
|--------------|----|---------|
| 10 - 12 phút | 18 | 43.90   |
| 13 - 15 phút | 19 | 46.24   |
| 15 phút      | 4  | 9.76    |
| Tổng cộng    | 41 | 100     |

**Thời gian chẩn đoán phương pháp bóng chèn lòng tử cung có hiệu quả cầm máu**

**12,95 ± 2,25 phút  
(10 – 17 phút).**



# Kết quả và Bàn luận

Đặc điểm những trường hợp thành công

*Thời gian lưu bóng chèn lòng tử cung*

| Thời gian  | n  | Tỷ lệ % |
|------------|----|---------|
| 6 - <7 giờ | 4  | 9.76    |
| 7 - <8 giờ | 22 | 53.66   |
| ≥ 8 giờ    | 15 | 36.59   |
| Tổng cộng  | 41 | 100     |

Thời gian lưu bóng chèn  
lòng tử cung trung bình

**$8.66 \pm 1.89$  giờ  
(6 - 12giờ).**

Nghiên cứu khác

▶ Katesmark: **30 giờ**

▶ Akhter S.: **24 giờ**

▶ NT Minh Tuyết:  **$7.1+0.82$  giờ**



# Kết quả và Bàn luận

Đặc điểm những trường hợp thành công

*Lượng máu mất tổng cộng*

| Lượng máu        | n  | Tỷ lệ % |
|------------------|----|---------|
| Từ 500 - <750 ml | 20 | 48.78   |
| Từ 750 - <1000ml | 21 | 51.22   |
| Tổng cộng        | 41 | 100     |

Lượng máu mất tổng  
cộng trung bình

**768.78 ± 90ml  
(630 - 990ml).**

# Kết quả và Bàn luận

## Lượng bạch cầu trong máu

| Bạch cầu                      | Trước sinh                         | 24 – 48 giờ sau sinh               |
|-------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
| $<10.000/\text{mm}^3$         | 17                                 | 9                                  |
| $10.000 - 15.000/\text{mm}^3$ | 26                                 | 18                                 |
| $> 15.000/\text{mm}^3$        | 0                                  | 16                                 |
| <b>Trung bình</b>             | <b><math>10.65 \pm 1.88</math></b> | <b><math>13.28 \pm 3.05</math></b> |

Đa số các trường hợp có tình trạng tăng số lượng bạch cầu so với trước sinh

- Do tình trạng cô đặc máu
- Do tang bạch cầu phản ứng

**Không có trường hợp nào có biểu hiện nhiễm trùng trên lâm sàng và trên xét nghiệm.**

# Kết quả và Bàn luận

## Phân tích tỉ lệ thành công với một số yếu tố liên quan

| Yếu tố khảo sát                                                           | p            |
|---------------------------------------------------------------------------|--------------|
| Tuổi mẹ                                                                   | 0.802        |
| Nghề nghiệp của mẹ                                                        | 0.286        |
| Số con còn sống                                                           | 0.651        |
| Bệnh lý nội khoa đi kèm                                                   | 0.628        |
| Tiền căn BHSS                                                             | 0.828        |
| Tuổi thai                                                                 | 0.677        |
| Chỉ số ối                                                                 | 0.594        |
| Vị trí nhau bám                                                           | 0.700        |
| Cân nặng của con                                                          | 0.906        |
| Lượng máu mất khi chẩn đoán BHSS                                          | 0.111        |
| Lượng máu mất từ lúc chẩn đoán BHSS đến khi đặt bóng chèn lòng tử cung    | 0.212        |
| Lượng máu mất thêm sau khi đặt bóng chèn lòng tử cung                     | 0.227        |
| Lượng dịch bơm vào bóng chèn lòng tử cung                                 | 0.980        |
| Thời gian chẩn đoán BHSS                                                  | 0.118        |
| <b>Thời gian từ lúc chẩn đoán BHSS đến khi đặt bóng chèn lòng tử cung</b> | <b>0.030</b> |

Có mối liên quan giữa tỉ lệ thành công và thời gian từ lúc chẩn đoán BHSS đến khi đặt bóng chèn lòng tử cung ( $p < 0.05$ ).

# Kết luận

Qua nghiên cứu 43 trường hợp bóng chèn lòng tử cung điều trị bằng huyết sau sinh

Tỉ lệ thành công là **95.35%**.

Thời gian trung bình chẩn đoán phương pháp bóng chèn lòng tử cung có hiệu quả cầm máu từ **10 - 17 phút**.

Thời gian lưu bóng chèn lòng tử cung từ **6 -12 giờ**.

Lượng dịch bơm vào bóng chèn lòng tử cung từ **130 - 200 ml**.

Lượng máu mất thêm sau khi đặt bóng chèn lòng tử cung đến khi chẩn đoán phương pháp thành công không đáng kể: từ **10 - 50ml**.

Không có trường hợp nào gặp tai biến trong suốt quá trình nghiên cứu.

**Điều trị bằng huyết sau sinh không do tổn thương đường sinh dục sau điều trị nội thất bại bằng phương pháp bóng chèn lòng tử cung là một phương pháp điều trị bảo tồn an toàn và hiệu quả.**

Cám ơn  
quý vị đại biểu  
đã chú ý lắng nghe!

